

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**
- Tên tiếng Anh: Sai Gon -Mien Trung Beer Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SMB
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4100739909 ngày 03/01/2014 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh ĐakLak cấp.
- Vốn điều lệ: 298.466.480.000 VNĐ
(Hai trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 298.466.480.000 VNĐ
(Hai trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak.
- Điện thoại: 0500-3877519 - Fax: 05003-877455
- Website: <http://www.saigonmientrungsabeco.com.vn>
- Email: vutuananhdl@gmail.com
- Mã cổ phiếu: SMB

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Phú Yên, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Đak Lak theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hợp nhất ngày 20/9/2008 và chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2008.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3503000233 do Sở Kế hoạch-Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp ngày 26/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 số: 4100739909 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh ĐakLak cấp ngày 03/01/2014.

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung là công ty thành viên của Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), hoạt động chịu sự chi phối của SABECO qua:

- Quy định của pháp luật và Điều lệ của SABECO về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con;
- Cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn;
- Định hướng phát triển và tiêu thụ sản phẩm.

Công ty hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với mục tiêu:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa;
- Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Công ty có 02 chi nhánh:

*** Chi nhánh Phú Yên:**

Địa chỉ: 265 Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*** Chi nhánh Quy Nhơn:**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh ĐakLak.

- **Các sự kiện quan trọng:** Công ty hoàn tất đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 08/9/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán SMB.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh** (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

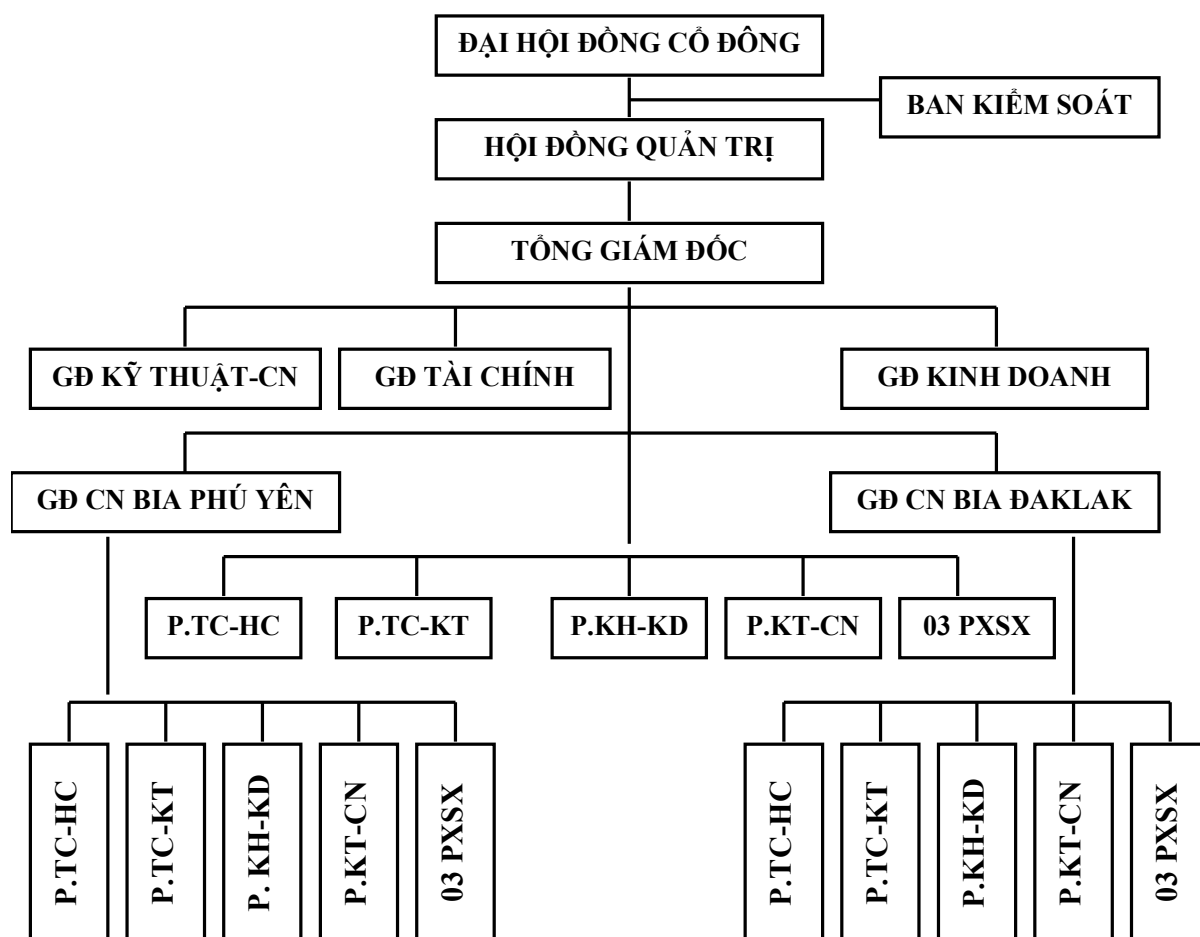
- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cò và nước giải khát;

- **Địa bàn kinh doanh:**

Các địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh ĐakLak, Bình Định và Phú Yên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị: Sơ đồ tổ chức:**



*** Ghi chú:**

- P. TC-HC: Phòng Tổ chức-Hành chính
- P. TC-KT: Phòng Tài chính-Kế toán
- P. KH-KD: Phòng Kế hoạch-Kinh doanh
- P. KT-CN: Phòng Kỹ thuật-Công nghệ
- PXSX: Phân xưởng sản xuất gồm: + Phân xưởng Nấu-lên men; + Phân xưởng Chiết; + Phân xưởng Động lực.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

*** Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ: thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD; quyết định sửa đổi bổ sung vốn điều lệ Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với số lượng thành viên ít nhất 05 người, nhiệm kỳ 05 năm.

Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

*** Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện Pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bầu ra, có nhiệm kỳ 05 năm.

Giám đốc Kỹ thuật-Công nghệ; Giám đốc Tài Chính, Giám đốc Kinh doanh, 02 Giám đốc Chi nhánh tại Phú Yên và Quy Nhơn có trách nhiệm giúp cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

*** Phòng Kế hoạch-Kinh doanh:**

Chịu trách nhiệm thu thập thông tin đánh giá thị trường, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm; Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách giá bán sản phẩm, quảng cáo, phương thức bán hàng, hỗ trợ khách hàng, các hợp đồng đại lý. Tư vấn cho khách hàng về sử dụng thiết bị bảo quản, kỹ thuật bán hàng, thông tin quảng cáo.

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ sản xuất; Quản lý các kho vật tư, nguyên liệu, bia thành phẩm; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát, thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp.

Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

*** Phòng Tổ chức-Hành chính:**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản SXKD, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

*** Phòng Tài chính-Kế toán:**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

*** Phòng Kỹ thuật-Công nghệ:**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm môi trường, ATVSTP, VSCN; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; Chủ trì và phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng; Xây dựng, giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Phối hợp nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện nội dung chương trình đào tạo, tổ chức thi nâng bậc kỹ thuật cho công nhân hàng năm.

*** Phân xưởng Nấu-Lên men:**

Tổ chức thực hiện việc sản xuất theo kế hoạch; Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các quá trình sản xuất, thực hiện tốt các quy trình đã ban hành, bảo đảm ổn định chất lượng sản phẩm và thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng vật tư theo đúng định mức kinh tế kỹ thuật; Vận hành máy móc thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao.

*** Phân xưởng Chiết:**

Thực hiện các công đoạn trong sản xuất: Chiết rót, hoàn thiện sản phẩm và nhập kho theo đúng quy trình công nghệ; Quản lý vận hành hệ thống thiết bị, nhà xưởng và các thiết bị khác trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

*** Phân xưởng Động lực:**

Chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất và cung cấp hơi, cấp lạnh, khí nén, CO₂, nước sạch, điện và các dịch vụ phục vụ khác cho sản xuất. Quản lý hồ sơ lý lịch hệ thống máy móc thiết bị; Xây dựng và thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị; Sửa chữa, khắc phục kịp thời những hỏng hóc, sự cố của máy móc thiết bị; Dự trữ những vật tư thay thế trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị; Thực hiện xử lý nước thải của quá trình sản xuất theo đúng quy trình công nghệ.

*** Các công ty con, công ty liên kết**

+ Công ty liên kết: Công ty cổ phần In - Thương mại Phú Yên

-Địa chỉ: 396 Hùng Vương, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

-Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: In các sản phẩm trên giấy.

-Vốn điều lệ thực góp: 975.860.000 đồng

-Tỷ lệ sở hữu: 20%

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh chính mang lại doanh thu cho Công ty là sản phẩm bia các loại, bao gồm:

+ Bia hợp tác sản xuất:

- Bia chai Sài Gòn 355ml
- Bia chai Sài Gòn 450ml

+ Bia tự sản xuất:

- Bia chai Lowen pils 330ml
- Bia chai Lowen lager 330ml
- Bia chai Quy Nhơn 330ml
- Bia chai Serepok 355ml
- Bia Hoi

+ Sản phẩm khác: Nước uống đóng chai: Serepok, Sapy, Nước ngọt Pepsi.

Năng lực sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

STT	Công suất Nhà máy	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Nhà máy Đak Lak	Triệu lít bia/năm	70	70	70	70
2	Nhà máy Quy Nhơn		50	50	50	50
3	Nhà máy Phú Yên		23	23	23	23

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty luôn bám sát định hướng do SABECO đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Định hướng những năm tiếp theo, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục gia tăng sản lượng gia công các mặt hàng nước giải khát cho PepsiCo trong năm 2014.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

+ Về môi trường: Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng qui định của pháp luật.

+ Về an toàn vệ sinh thực phẩm: Công ty thực hiện tốt các qui định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về sản lượng: Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào sản lượng nhận hàng của Tổng Công ty SABECO cụ thể là Công ty Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn. Tuy nhiên trong Hợp đồng ký kết giữa hai bên điều khoản về việc sản lượng nhận hàng chưa qui định chắc chắn, kế hoạch nhận hàng thường bị thay đổi và điều chỉnh trong năm. Điều này gây khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch năm.

- Rủi ro về tài chính: Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2013, tình hình kinh tế vẫn còn rất khó khăn và diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới tiếp tục hồi phục chậm và chưa thực sự bền vững. Kinh tế Việt Nam năm 2013 đã từng bước ổn định, tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn. Mặc dù sản xuất được cải thiện nhưng nền kinh tế vẫn còn khó khăn, sức mua của người dân chậm cải thiện. Vì vậy, nhu cầu tiêu dùng hàng hoá nói chung ở trên thị trường bị suy giảm đáng kể, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như rượu bia, làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của ngành bia nói chung trong đó có Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực và năng động của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã chủ động khai thác triệt để các nguồn lực có thể để giảm chi phí tăng hiệu quả kinh doanh đến mức cao nhất như: Tìm nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả tốt nhất, tiết kiệm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm định mức chi phí, đàm phán về lãi suất tiền gửi, tiền vay và tìm giá tốt cho các khoản đầu tư tài chính.v.v. Từ đó đã mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả kinh doanh trong năm trên mức mong đợi. Cụ thể Lợi nhuận trước thuế năm 2013 Công ty đạt 67,12 tỷ đồng/60,00 Tỷ đồng. Đây là một sự cố gắng rất lớn đáng được ghi nhận của Công ty trong năm 2013.

- Tình hình thực hiện SXKD so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	%TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	141,90	138,30	97,46
	<i>Bia chai Sài Gòn</i>	<i>Tr.lít</i>	<i>104,00</i>	<i>105,22</i>	<i>101,17</i>
	<i>Bia khác</i>	<i>Tr.lít</i>	<i>26,20</i>	<i>23,31</i>	<i>88,98</i>
	<i>Nước uống đóng chai</i>	<i>Tr.lít</i>	<i>5,00</i>	<i>5,52</i>	<i>110,38</i>
	<i>Gia công NGK Pepsi</i>	<i>Tr.lít</i>	<i>6,70</i>	<i>4,25</i>	<i>63,49</i>
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.347,09	1.226,07	91,02
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,00	67,12	111,87
4	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	620,46	548,61	88,42
5	Cổ tức	%	10	10	100,00

2. Tổ chức và nhân sự

*Danh sách Ban điều hành

1. Ông Nguyễn Ngọc Triêm – Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 20/11/1953
Nơi sinh : Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định
Số CMND : 211622187
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú : 413 Nguyễn Huệ, TP Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- * Từ 3/1991–7/1994 : GD Công ty Lương thực tỉnh Bình Định
- * Từ 8/1994–31/3/2006 : GD Công ty Bia Quy Nhơn
- * Từ 01/4/2005–30/8/2006 : GD Công ty TNHH Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
- * Từ 01/9/2006–30/9/2008 : Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
- * Từ 01/10/2008–nay : Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn-Miền Trung

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 68.864 cổ phần

2. Ông Võ Ngọc Anh – Giám đốc Kinh Doanh

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 12/5/1954
Nơi sinh : Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
Số CMND : 211242898
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú : 45 Trường Chinh, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính-Kế toán

Quá trình công tác

- * Từ 1982 -1994 : Kế toán trưởng Cty Liên hiệp XNK Bình Định
- * Từ 1994-nay : Kế toán trưởng, PGĐ, GD Tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn-Quy Nhơn, nay là Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 58.263 cổ phần

3. Bà Trịnh Thị Hồng Huệ – Giám đốc Kỹ Thuật

Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 23/2/1959
Nơi sinh : BV Bạch Mai – Hà Nội
Số CMND : 211059188
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn , tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú : 172 Phan Bội Châu, TP Quy Nhơn
Điện thoại liên lạc : 0914119811
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa

Quá trình công tác

- * 12/1982-8/1988 : Phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp Nước Ngọt Quy Nhơn
- * 9/1988-5/1993 : Phó Phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp Nước Ngọt Quy Nhơn
- * 6/1993-4/1994 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp Nước Ngọt Quy Nhơn
- * 5/1995-7/1999 : Tổ trưởng tổ KCS Công ty Bia Quy Nhơn
- * 8/1999-8/2006 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Bia Quy Nhơn
- * 9/2006-3/2007 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
- * 4/2007-9/2008 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty CP Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
- * 10/2008-9/2010 : Trưởng P. Kỹ thuật Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.
- * 10/2010–đến nay : Giám đốc KT-CN Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 25.174 cổ phần

4. Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc Chi nhánh Đak Lak

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 30/01/1962
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Số CMND : 240007292
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú : 250/4 Phan Châu Trinh, Buôn Mê Thuột, Đak Lak
Điện thoại liên lạc : 0500 877456
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

- * Từ 7/1984-2/1987 : CB Công ty Dầu tư XNK Đak Lak (Inexim Đak Lak)
- * Từ 2/1987-4/1989 : Phó P. Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đak Lak
- * Từ 4/1989-8/1992 : Trưởng P. Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đak Lak
- * Từ 8/1992-12/1995 : Phó trưởng Xưởng Chế biến-Kho vận Inexim Đak Lak
- * Từ 12/1995-2/2005 : Phó Giám đốc Inexim Đak Lak
- * Từ 2/2005-9/2008 : Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn-Đak Lak
- * Từ 10/2008-nay : GD CN CTCP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Đak Lak

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 139.854 cổ phần

5. Ông Hoàng Thanh Việt – Giám đốc Chi nhánh Phú Yên

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 20/12/1959
Nơi sinh : Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Số CMND : 220975092
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Địa chỉ thường trú : 57 Nguyễn Đình Chiểu, P7, TP. Tuy Hòa, Phú Yên
Điện thoại liên lạc : 057 3827722 - 0913 445297
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- * 1982-1987 : Nhân viên, Trưởng P. Kỹ thuật-Kế hoạch Nhà máy Đường TX Tuy Hòa
- * 1987-1991 : Nhân viên P. Kinh doanh-XNK Công ty Nông sản Thực phẩm TX Tuy Hòa
- * 1991-1996 : Nhân viên P. Kinh doanh-XNK Công ty SX-XNK Công nghiệp Phú Yên
- * 1996-2008 : PGĐ Công ty LD Bia Sài Gòn-Phú Yên, GD điều hành Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên
- * 2008-nay : Giám đốc CN Cty CP Sài Gòn-Miền Trung tại Phú Yên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 48.534 cổ phần

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Từ ngày 01/12/2013 Ông Huỳnh Văn Dũng, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc Chi nhánh ĐakLak được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung thay ông Nguyễn Ngọc Triêm hết nhiệm kỳ và nghỉ hưu theo chế độ. Thông tin về ông Huỳnh Văn Dũng như đề cập ở mục 4 trên đây.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
- + **Tổng số lao động: 554 người**, trong đó: * Cán bộ quản lý: 43
* CNV không quản lý: 511

+ **Chính sách đối với người lao động**

• **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần; thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, Tết, lễ: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế theo chế độ bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp theo quy định của Bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

• **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Chính sách lương: Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong công ty. Mức thu nhập bình quân của CBNV trong Công ty luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBNV đồng thời thu hút và giữ lao động cho Công ty. Thu nhập bình quân của CBNV trong Công ty như sau:

- Năm 2012: 5.500.000 đ/người/tháng.
- Năm 2013: 5.500.000 đ/người/tháng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a/ Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn từ 20 triệu lít bia/năm lên 50 triệu lít bia/năm; Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn-ĐăkLăk từ 25 triệu lít bia/năm lên 70 triệu lít bia/năm; Dự án tiết kiệm năng lượng tại Nhà máy Bia Sài Gòn-ĐăkLăk; Dự án xử lý ô nhiễm môi trường tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên: Đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Các dự án khác như: Hạng mục cung cấp thiết bị cải tạo Hệ thống lạnh và Tiết kiệm năng lượng Nhà nấu tại Nhà máy Quy Nhơn; Công trình Kho chứa bia và Bãi vỏ kết tại Phú Yên: Đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật, đang triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.

b/ Các công ty con, công ty liên kết :

Hiện Công ty có một Công ty liên kết: Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên.

Địa chỉ: 396 Hùng Vương, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: In các sản phẩm trên giấy.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế trên thế giới và trong nước năm 2013 hết sức khó khăn, đã ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp Việt nam nói chung và đối với Công ty CP In - Thương mại Phú Yên nói riêng, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 không đạt như mong muốn và không tốt bằng năm 2012. Tuy nhiên bằng sự quyết tâm, cố gắng phấn đấu của Công ty để thực hiện kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra và Công ty cũng đã hoàn thành được một kết quả tương đối, cụ thể:

- Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ: 18.218 nghìn đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.107 nghìn đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 1.230 đồng.

4. Tình hình tài chính**a/ Tình hình tài chính:**

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	934,90	847,58	-9%
2	Doanh thu thuần	”	698,65	745,48	7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	”	34,14	41,45	12%
4	Lợi nhuận khác	”	3,14	11,37	262%
5	Lợi nhuận trước thuế	”	40,29	52,82	31%
6	Lợi nhuận sau thuế	”	35,88	42,33	18%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	9,00	10,00	111,11%

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,63	0,62	
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,32	0,30	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,57	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,66	1,33	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	1,65	6,50	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,75	0,88	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,06	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,12	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,05	
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,06	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 29.846.648 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần đang lưu hành: 29.846.648 cổ phiếu

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty: Chốt tại ngày 31/12/2013

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	% VDL
I	Cổ đông Nhà nước	3.673.287	36.732.870.000	12,31
<i>1</i>	Văn phòng Tỉnh uỷ Bình Định	719.848	7.198.480.000	2,41
<i>2</i>	Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên	1.602.940	16.029.400.000	5,37
<i>3</i>	Công ty Cao Su Đak Lak	1.350.499	13.504.990.000	4,52
II	Cổ đông trong và ngoài công ty	29.846.648	298.466.480.000	100
A	<u>Tổ chức</u>	17.688.151	176.881.510.000	59,26
	- Trong nước	16.100.880	161.008.800.000	53,94
	- Ngoài nước	1.587.271	15.872.710.000	5,32
B	<u>Cá nhân</u>	12.158.497	121.584.970.000	40,74
	- Trong nước	11.857.200	118.572.000.000	39,73
	- Ngoài nước	301.297	3.012.970.000	1,01

- Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

Tính đến thời điểm 12/11/2013, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần như sau:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số lượng cổ phần	% VDL
1	Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	06 Hai Bà Trưng, Q1, TP Hồ Chí Minh	41006000286	9.617.363	32,22
2	Công ty TNHH 1 TV Xổ số Kiến thiết Phú Yên	204 Trần Hưng Đạo, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	101606	1.602.940	5,37
3	Capital Shine Limited	Suite 2302,23/F, Great Eagle Centre, 23 Harbour Road, Wanchai, Hồng Kông	987123456	1.587.271	5,32
	Tổng cộng			12.807.574	42,91

- Cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số lượng cổ phần	% VDL
1	Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	06 Hai Bà Trưng, Q1, TP Hồ Chí Minh	41006000286	9.617.363	32,22
2	Trịnh Thị Tuyết Minh	125 Trần Quốc Thảo, Q3, TP Hồ Chí Minh	020521543	32.227	0,11
3	Nguyễn Đức Hảo	375A/12 Nguyễn Trọng Tuyển, TP Hồ Chí Minh	BA 440640	22.530	0,08
	Tổng cộng			9.672.120	32,41

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e/ Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1	Doanh thu BH và cung cấp DV	1.204.082.999.412	1.101.621.228.067
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	458.606.368.039	402.969.282.847
3	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	745.476.631.373	698.651.945.220
4	Giá vốn hàng bán	578.221.015.883	535.072.266.229
5	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	167.255.615.490	163.579.678.991
6	Doanh thu hoạt động tài chính	975.639.568	4.608.631.998
7	Chi phí tài chính	47.731.552.123	69.968.078.416
8	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>47.029.729.841</i>	<i>69.554.298.099</i>
9	Chi phí bán hàng	41.786.743.147	26.208.408.458
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.265.694.716	34.870.702.417
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	41.447.265.072	37.141.121.698
12	Thu nhập khác	33.007.490.656	7.635.588.812
13	Chi phí khác	21.633.750.511	4.490.793.327
14	Lợi nhuận khác	11.373.740.145	3.144.795.485
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.821.005.217	40.285.917.183
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	42.332.719.657	35.875.609.454
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.418	1.202

Những yếu tố khó khăn và thuận lợi:

* **Thuận lợi:** Được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự hỗ trợ giúp đỡ của Tổng Công ty CP Bia Rượu-NGK Sài Gòn, và các ngành, các cấp địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của Công ty.

* **Khó khăn:** Năm 2013, tình hình kinh tế Thế giới vẫn còn rất khó khăn và diễn biến phức tạp, đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước và tác động trực tiếp đến Doanh nghiệp. Tình hình cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh bia vẫn diễn ra gay gắt, giá điện, nước, xăng dầu, chi phí nhân công, chi phí vận chuyển tăng làm giá thành tăng cao, sức mua giảm,... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
1	Tổng tài sản	1.000 đồng	847.577.319	934.903.300
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>179.779.105</i>	<i>170.375.947</i>
	<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>667.798.214</i>	<i>764.527.352</i>

b/ Tình hình nợ phải trả:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
1	Nợ phải trả	1.000 đồng	483.284.084	583.033.802
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.000 đồng	364.293.235	351.869.498
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>298.466.480</i>	<i>298.466.480</i>

Việc quản lý nợ phải thu, phải trả: Công ty luôn theo dõi chi tiết công nợ phải thu, tăng cường thu hồi nợ, đề thu hồi vốn cho công ty. Công nợ phải trả cũng theo dõi chi tiết và thanh toán đúng hoặc kéo dài thời gian thanh toán. Công ty chấp hành định mức công nợ của SABECO.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục rà soát, đánh giá và sắp xếp bố trí lại lao động, nhằm sử dụng hiệu quả nhất nguồn nhân lực hiện có. Phương án tái cấu trúc đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, đang triển khai thực hiện.

Công ty duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2005, áp dụng thống nhất trong toàn Công ty theo quy định của Tổng Công ty.

Thực hiện các biện pháp nâng cao đời sống người lao động cả về vật chất lẫn tinh thần. Giữ vững và phát triển đội ngũ kỹ thuật và chuyên môn, tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao và gắn bó lâu dài với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

Bước sang năm 2014, với những tín hiệu khả quan về nền kinh tế đang hồi phục, phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, với sự quyết tâm, lòng nhiệt huyết, đồng tâm hợp lực, đoàn kết của toàn thể CB-CNV Công ty, hy vọng Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, ngày càng phát triển vững mạnh, vị trí ngày càng được khẳng định trong Cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất bia Sài Gòn năm 2014 của Tổng Công ty CP Bia Rượu-NGK Sài Gòn và dự báo tình hình tiêu thụ các sản phẩm bia tự doanh, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2014 như sau:

* Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh:

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014			% KH201/ TH2013	
				Tổng số	Trong đó			
					ĐL	QN		PY
I	Sản lượng sản xuất	Tr.lít	138,10	140,50	60,00	52,00	28,50	102%
1	-Bia chai SG 450	Tr.lít	56,11	62,00	30,00	15,00	17,00	110%
2	-Bia chai SG 355	Tr.lít	49,41	44,00	27,00	17,00		89%
3	-Bia chai khác	Tr.lít	19,40	19,50		14,50	5,00	100%
4	-Bia hơi	Tr.lít	3,95	4,00	0,50	0,50	3,00	101%
5	-Nước uống đóng chai	Tr.lít	5,25	6,00	2,50		3,50	114%
6	-Gia công Pepsi	Tr.lít	3,98	5,00		5,00		126%
II	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	138,56	140,50	60,00	52,00	28,50	101%
1	-Bia chai SG 450	Tr.lít	56,45	62,00	30,00	15,00	17,00	110%
2	-Bia chai SG 355	Tr.lít	49,15	44,00	27,00	17,00		90%
3	-Bia chai khác	Tr.lít	19,33	19,50		14,50	5,00	101%
4	-Bia hơi	Tr.lít	3,96	4,00	0,50	0,50	3,00	101%
5	-Nước uống đóng chai	Tr.lít	3,96	6,00	2,50		3,50	111%
6	-Gia công Pepsi	Tr.lít	4,25	5,00		5,00		118%
III	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ Đ	1.169,47	1.120,06	452,30	493,17	174,59	96%
IV	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	1.240,34	1.224,73	558,05	466,36	200,32	99%
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	52,82	48,75	16,20	24,55	8,00	92%
VI	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	549,16	547,55	256,23	200,93	79,16	100%

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2013 hoạt động SXKD của Công ty có một số yếu tố thuận lợi giúp đạt được kế hoạch lợi nhuận đó là: sản lượng nhận hàng của SABECO đạt kế hoạch đã giao, tỷ giá đồng Đô la Mỹ ổn định, giá nguyên vật liệu không biến động so với dự kiến ban đầu. Tuy nhiên năm 2013 vẫn là năm có nhiều khó khăn, sức mua tiêu dùng của người dân sụt giảm, việc chuyển dịch xu hướng tiêu dùng từ bia chai sang bia lon cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Việc gia công sản xuất các sản phẩm nước ngọt Pepsi giúp khai thác công suất máy móc thiết bị và các dịch vụ kho hàng, sản phẩm nước tinh khiết cũng góp phần tạo việc làm, thu nhập và lợi nhuận cho Công ty. Bằng chính sách bán hàng hợp lý, sản phẩm Bia Quy Nhơn đạt mức tăng trưởng so với năm trước, đây là sự cố gắng lớn đối với tập thể Ban điều hành và người lao động Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện theo đúng phân cấp phân quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, chủ động báo cáo Hội đồng quản trị cho ý kiến để thực hiện.

Nhìn chung, trong năm 2013 Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng hoàn thành các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty, công ty sẽ thực hiện tốt chế độ công bố thông tin, đảm bảo tính công khai và minh bạch theo đúng quy định.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a/ Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 1: Đến ngày 27/05/2013):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Trịnh Thị Tuyết Minh	Chủ tịch HĐQT - Không điều hành	32.277	0,108
2	Nguyễn Ngọc Triêm	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty đến 30/11/2013	68.864	0,230
3	Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT-Giám đốc Chi nhánh ĐakLak (đến 30/11/2013)	139.854	0,460
4	Nguyễn Đức Toàn	Ủy viên HĐQT – Độc lập	0	0
5	Nguyễn Thị Phước	Ủy viên HĐQT – Độc lập	0	0

b/ Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2: Từ ngày 27/05/2013):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch HĐQT - Không điều hành	9.203	0,030
2	Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty từ 01/12/2013	68.864	0,230
3	Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên HĐQT – Độc lập	0	0
4	Nguyễn Thị Phước	Ủy viên HĐQT – Độc lập	0	0
5	Nguyễn Thành Nam	Ủy viên HĐQT – Độc lập	2.940	0,009

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 7 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị 5 lần, ban hành 12 Nghị quyết và 37 Quyết định để chỉ đạo hoạt động của Công ty liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013; Công tác tổ chức, nhân sự Công ty, ban hành các Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đơn giá tiền lương, thực hiện các dự án đầu tư, nhượng bán cổ phiếu.

- Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Phú làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty (năm thứ 3).

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2012 với tỉ lệ 9% cho cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung theo tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua.

c/ Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2013:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2013/ NQ-HĐQT	22/01/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD năm 2012, Kế hoạch SXKD 2013. - Thống nhất quỹ tiền lương (bổ sung) và quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2012. - Quyết toán vốn đầu tư Dự án nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm. - Thông qua Định mức tiêu hao nguyên vật liệu năm 2013.
2	02/2013/ NQ-HĐQT	02/03/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Kế hoạch chi phí năm 2013, các giải pháp thực hiện và hiệu quả đầu tư các dự án tiết kiệm năng lượng. - Thống nhất chủ trương đầu tư dây chuyền chiết lon tại Chi nhánh ĐakLak. - Thống nhất đầu tư dây chuyền nước lọc tại hai Chi nhánh ĐakLak và Phú Yên. - Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2012 tỷ lệ 9%/vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012. - Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2013.
3	03/2013/ NQ-HĐQT	03/04/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất giá nhượng bán 30.000 cổ phiếu của SABECO.
4	04/2013/ NQ-HĐQT	11/04/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất giải quyết diện tích đất không sử dụng tại hai Chi nhánh ĐakLak, Phú Yên. - Rà soát, quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành. - Giải pháp thực hiện chỉ đạo của Tổng Công ty về việc sản xuất bia địa phương. - Thống nhất thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty.
5	05/2013/ NQ-HĐQT	15/05/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo quyết toán dự án đầu tư tại ĐakLak Phú Yên. - Thống nhất giải quyết diện tích đất tại Chi nhánh ĐakLak không có nhu cầu sử dụng. - Thống nhất ngừng SXKD Bia Serepok tại Chi nhánh ĐakLak. - Thống nhất kế hoạch SXKD Bia chai Lowen và Quy Nhơn. - Thống nhất việc thoái vốn cổ phiếu SABECO và IUS. - Thông qua tài liệu, chương trình và công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2013.
6	01/2013/ NQ-HĐQT	27/05/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung nhiệm kỳ II (2013-2018)

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	02/2013/ NQ-HĐQT	10/07/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất về tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT. - Thống nhất kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2013. - Thống nhất rà soát, sửa đổi các quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. - Thống nhất chuẩn bị thực hiện phí thương hiệu theo quyết định của SABECO. - Thống nhất chủ trương đầu tư các Hạng mục Cung cấp thiết bị cải tạo Hệ thống lạnh, Hạng mục Tiết kiệm năng lượng trong Nhà nấu tại Nhà máy Quy Nhơn và Công trình Kho chứa bia và Bãi vỏ két tại Chi nhánh Phú Yên. - Thống nhất tiếp tục thực hiện SXKD Bia chai Lowen Pils và Quy Nhơn. - Thống nhất dừng SXKD Bia Serepok tại Chi nhánh ĐakLak. - Thống nhất dừng SXKD Bia Lowen Lager tại CN Phú Yên. - Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Phú thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2013. - Thống nhất đơn giá tiền lương năm 2013. - Thống nhất việc xây dựng phương án tăng vốn điều lệ Công ty với tỷ lệ sở hữu của SABECO đạt 51%.
8	03/2013/ NQ-HĐQT	06/08/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung vay vốn lưu động năm 2013 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Định với số tiền tối đa không quá 50 tỷ đồng và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty làm người đại diện Công ty thực hiện
9	04/2013/ NQ-HĐQT	07/10/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật Công trình: Kho chứa bia và bãi vỏ két của Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
10	05/2013/ NQ-HĐQT	15/10/ 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất về tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT. - Thống nhất kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013. - Thống nhất chuẩn bị thực hiện phí thương hiệu theo quyết định của SABECO. - Thống nhất tiếp tục thực hiện điều chuyển vốn giữa các đơn vị để giảm lãi vay. - Thống nhất tăng vốn điều lệ Công ty theo phương án bảo đảm vốn góp của SABECO đạt 51 %. Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo xây dựng văn bản đề xuất phương án thực hiện. - Thống nhất chấm dứt SXKD Bia Lowen Lager tại Chi nhánh Phú Yên. Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện. - Thống nhất cho mua 02 xe ô tô loại 4 – 5 chỗ ngồi (cho hai Chi nhánh Phú Yên và ĐakLak. Đối với xe tải lạnh tại Chi nhánh Phú Yên: Thống nhất phương án thuê xe ngoài. - Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Quy chế quản lý tài chính Công ty. - Thống nhất chủ trương cho đầu tư lò hơi tại Chi nhánh Đaklak - Thống nhất việc bán thanh lý két nhựa và vỏ chai Serepok tại Chi nhánh ĐakLak.

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Thống nhất bổ nhiệm Ông Huỳnh Văn Dũng làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 5 năm từ ngày 01/12/2013 thay Ông Nguyễn Ngọc Triêm đã hết nhiệm kỳ nghỉ hưu theo chế độ. - Thống nhất đặt Văn phòng Công ty tại TP. Buôn Ma Thuột để thuận lợi cho công tác điều hành quản lý. Ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị ký văn bản lấy ý kiến cổ đông.
11	06/2013/ NQ-HĐQT	09/12/ 2013	Thống nhất phương án tổ chức, nhân sự điều hành Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung và mức lương cán bộ điều hành quản lý
12	07/2013/ NQ-HĐQT	18/12/ 2013	Thống nhất phương án nhân sự điều hành, quản lý Công ty và Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung
13	01/2013/ QĐ-HĐQT	24/01/ 2013	Ban hành Định mức tiêu hao nguyên vật liệu năm 2013
14	02/2013/ QĐ-HĐQT	22/02/ 2013	Nhượng bán Hệ thống lọc - pha bia công suất 100 hl/giờ tại Chi nhánh ĐakLak
15	03/2013/ QĐ-HĐQT	05/03/ 2013	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các Dự án đầu tư tại Chi nhánh ĐakLak
16	04/2013/ QĐ-HĐQT	05/03/ 2013	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư Công trình: Xử lý ô nhiễm môi trường tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
17	05/2013/ QĐ-HĐQT	27/03/ 2013	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư Công trình: Xử lý nước cấp tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
18	06/2013/ QĐ-HĐQT	18/04/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng công suất sản Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít bia/năm
19	07/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án: Đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-ĐakLak lên 70 triệu lít bia/năm
20	08/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án: Nhà văn phòng – Tổng kho tại Chi nhánh ĐakLak
21	09/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Công trình: Mái che bãi vỏ chai tại Chi nhánh ĐakLak
22	10/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 720m ³ /ngày đêm tại Chi nhánh ĐakLak
23	11/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Hạng mục: Đầu tư cải tạo nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải từ 25 triệu lít/năm lên 36 triệu lít/năm tại Chi nhánh ĐakLak
24	12/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Hạng mục: Cải tạo mở rộng Hệ thống xử lý nước thải đạt loại A và xây dựng Hệ thống xử lý khói thải lò hơi tại Chi nhánh Phú Yên
25	13/2013/ QĐ-HĐQT	21/05/ 2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Hạng mục: Cải tạo nâng cấp Hệ thống xử lý nước cấp Công suất đầu vào 20 m ³ /giờ lên 40 m ³ /giờ tại Chi nhánh Phú Yên
26	14/2013/ QĐ-HĐQT	16/05/ 2013	Phê duyệt giá chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Không gian ngầm (IUS)
27	15/2013/ QĐ-HĐQT	16/05/ 2013	Phê duyệt giá chuyển nhượng cổ phiếu SABECO
28	16/2013/ QĐ-HĐQT	11/07/ 2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương Công ty năm 2013

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
29	17/2013/ QĐ-HĐQT	27/08/ 2013	Phân cấp, ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý Công trình: Kho chứa bia và Bãi vỏ kết của Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
30	18/2013/ QĐ-HĐQT	27/08/ 2013	Thành lập Tổ thẩm định Công trình: Kho chứa bia và Bãi vỏ kết của Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
31	19/2013/ QĐ-HĐQT	25/09/ 2013	Phân cấp, ủy quyền phê duyệt các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Các hạng mục Công trình: Cung cấp thiết bị cải tạo Hệ thống lạnh và Hạng mục: Tiết kiệm năng lượng trong nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
32	20/2013/ QĐ-HĐQT	25/09/ 2013	Thành lập Tổ thẩm định Công trình: Cung cấp thiết bị cải tạo Hệ thống lạnh và Hạng mục: Tiết kiệm năng lượng trong nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn
33	21/2013/ QĐ-HĐQT	07/10/ 2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng Công trình: Kho chứa bia và bãi vỏ kết của Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
34	22/2013/ QĐ-HĐQT	24/10/ 2013	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty
35	23/2013/ QĐ-HĐQT	24/10/ 2013	Ban hành Quy chế làm việc của Ban điều hành Công ty
36	24/2013/ QĐ-HĐQT	30/10/ 2013	Nghị việc đề hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Ngọc Triêm
37	25/2013/ QĐ-HĐQT	25/11/ 2013	Thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Ngọc Triêm
38	26/2013/ QĐ-HĐQT	25/11/ 2013	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung
39	27/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại ĐakLak
40	28/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Thay đổi trụ sở chính Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung
41	29/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Thành lập Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn
42	30/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Kinh doanh đối với ông Võ Ngọc Anh
43	31/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Kỹ thuật-Công nghệ đối với Bà Trịnh Thị Hồng Huệ
44	32/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Thôi đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Dương Đình Hòa
45	33/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn
46	34/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Phú Yên
47	35/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Bổ nhiệm Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung
48	36/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung
49	37/2013/ QĐ-HĐQT	09/12/ 2013	Phê duyệt mức lương Ban điều hành Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung

2. Ban Kiểm soát

a/ Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ 1: Đến ngày 27/05/2013):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng BKS	10.972	0,036
2	Nguyễn Nhật Thăng	Ủy viên BKS	0	0
3	Lê Thị Ngọc Ánh	Ủy viên BKS	60.464	0,202

b/ Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ 2: Từ ngày 27/05/2013):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Trịnh Văn Thảo	Trưởng BKS	0	0
2	Nguyễn Nhật Thăng	Ủy viên BKS	0	0
3	Nguyễn Văn Chánh	Ủy viên BKS	5.072	0,016

* Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện kiểm soát định kỳ: Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 lần kiểm tra xem xét tình hình sản xuất kinh doanh đơn vị. Qua các lần kiểm tra Ban kiểm soát đều có những nhận xét kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành (kèm theo các Biên bản họp của Ban kiểm soát).

- Thực hiện kiểm soát thường xuyên: Thông qua các báo cáo của Ban điều hành, nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã tham gia góp ý kiến, kiến nghị đề xuất bằng văn bản và trực tiếp giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua các đợt kiểm soát định kỳ, thường xuyên Ban kiểm soát đã đề xuất và kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành về công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao 2013 (đ)	Ghi chú
1	Trịnh Thị Tuyết Minh	Chủ tịch HĐQT	50.000.000	Đến hết tháng 5/2013
2	Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch HĐQT	70.000.000	Từ tháng 6/2013
3	Nguyễn Ngọc Triêm	Ủy viên HĐQT	35.000.000	Đến hết tháng 11/2013
4	Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	84.000.000	
5	Nguyễn Thị Phước	Ủy viên HĐQT	84.000.000	
6	Nguyễn Đức Toàn	Ủy viên HĐQT	35.000.000	Đến hết tháng 5/2013
7	Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên HĐQT	49.000.000	Từ tháng 6/2013
8	Nguyễn Thành Nam	Ủy viên HĐQT	49.000.000	Từ tháng 6/2013
9	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng BKS	35.000.000	Đến hết tháng 5/2013
10	Trịnh Văn Thảo	Trưởng BKS	49.000.000	Từ tháng 6/2013
11	Nguyễn Nhật Thăng	Ủy viên BKS	60.000.000	
12	Lê Thị Ngọc Ánh	Ủy viên BKS	25.000.000	Đến hết tháng 5/2013
13	Nguyễn Văn Chánh	Ủy viên BKS	35.000.000	Từ tháng 6/2013
Tổng cộng			660.000.000	

I. Báo cáo tài chính:

Số: 39 /2014/AP.BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang số 04 đến trang số 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này được lập ngày 20/03/2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán số 0034-148-2013-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Ngô Việt Thanh

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán số 1687-148-2013-1

1. **Báo cáo tài chính được kiểm toán: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.779.105.087	170.375.947.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.698.918.014	8.579.252.370
1. Tiền	111	4	14.698.918.014	8.579.252.370
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.234.464.401	75.809.585.984
1. Phải thu khách hàng	131	5	65.533.415.945	72.969.262.886
2. Trả trước cho người bán	132		2.884.792.218	2.735.348.549
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.674.305.041	746.466.878
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(858.048.803)	(641.492.329)
IV. Hàng tồn kho	140		93.169.861.658	84.770.989.384
1. Hàng tồn kho	141	6	93.169.861.658	84.770.989.384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.675.861.014	1.216.120.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.028.634.086	483.440.153
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Các khoản phải thu Nhà nước	154		42.677.861	61.512.026
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		604.549.067	671.167.826

2.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. MÃ SỐ B01 - DN

4. Đơn vị tính: VND

5.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		667.798.213.956	764.527.352.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		601.313.578.056	692.804.047.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	597.260.770.799	685.338.003.862
- Nguyên giá	222		1.073.022.338.073	1.080.392.638.456
- Giá trị hao mòn	223		(475.761.567.274)	(395.054.634.594)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.522.658.397	1.461.731.953
- Nguyên giá	228		1.867.131.262	1.762.131.262
- Giá trị hao mòn	229		(344.472.865)	(300.399.309)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	2.530.148.860	6.004.311.195
III. Bất động sản đầu tư	240	9	1.403.185.883	1.487.440.607
- Nguyên giá	241		1.887.650.551	1.887.650.551
- Giá trị hao mòn	242		(484.464.668)	(400.209.944)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		975.860.000	4.904.360.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	10	975.860.000	975.860.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	4.408.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(480.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		64.105.590.017	65.331.505.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	64.105.590.017	65.331.505.327
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		847.577.319.043	934.903.300.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2013	01/01/2013
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		483.284.084.069	583.033.802.170
I. Nợ ngắn hạn	310		290.408.790.938	269.446.006.460
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	150.074.786.964	139.362.074.400
2. Phải trả người bán	312	13	49.801.962.009	35.311.538.445
3. Người mua trả tiền trước	313		166.454.372	501.680.812
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	60.744.769.828	61.525.492.897
5. Phải trả người lao động	315		9.436.141.301	10.424.798.042
6. Chi phí phải trả	316	15	6.016.455.064	10.126.356.098
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	12.880.583.196	11.073.228.630
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.287.638.204	1.120.837.136
II. Nợ dài hạn	330		192.875.293.131	313.587.795.710
1. Phải trả dài hạn cho người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		408.000.000	320.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	192.467.293.131	313.267.795.710
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. NGUỒN VỐN	400		364.293.234.974	351.869.498.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	364.293.234.974	351.869.498.517
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		298.466.480.000	298.466.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		12.234.693	12.234.693
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.626.539.637	10.626.539.637
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.130.134.520	6.336.354.047
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.057.846.124	36.427.890.140
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		847.577.319.043	934.903.300.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*6. **MÃU SỐ B01 - DN**7. *Đơn vị tính: VND***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		350.000.000	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		18.696.659.020	30.961.126.615
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.830	1.790
- EUR		5.735	18.728
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2013	Năm 2012
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.204.082.999.412	1.101.621.228.067
2. Các khoản giảm trừ	02	19	458.606.368.039	402.969.282.847
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	745.476.631.373	698.651.945.220
4. Giá vốn hàng bán	11	20	578.221.015.883	535.072.266.229
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		167.255.615.490	163.579.678.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	975.639.568	4.608.631.998
7. Chi phí tài chính	22	22	47.731.552.123	69.968.078.416
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>47.029.729.841</i>	<i>69.554.298.099</i>
8. Chi phí bán hàng	24	23	41.786.743.147	26.208.408.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	37.265.694.716	34.870.702.417
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.447.265.072	37.141.121.698
11. Thu nhập khác	31	25	33.007.490.656	7.635.588.812
12. Chi phí khác	32	26	21.633.750.511	4.490.793.327
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		11.373.740.145	3.144.795.485
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.821.005.217	40.285.917.183
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	27	10.488.285.560	4.410.307.729
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		42.332.719.657	35.875.609.454
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	1.418	1.202

Đăklăk, ngày 20 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.821.005.217	40.285.917.183
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	90.553.123.810	92.413.230.795
Các khoản dự phòng	03	67.140.574	(168.702.647)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	520.958.821	57.534.281
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.866.792.236)	(4.576.344.661)
Chi phí lãi vay	06	47.029.729.841	69.554.298.099
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	187.125.166.027	197.565.933.050
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.623.902.192)	(16.562.235.252)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(8.398.872.274)	(6.793.243.456)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	29.743.602.157	9.033.322.883
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.794.418.101	2.963.237.552
Tiền lãi vay đã trả	13	(50.002.293.173)	(70.054.603.963)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.740.307.729)	(2.143.233.482)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.432.111.859	2.380.233.304
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.313.193.903)	(596.740.653)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	132.016.728.873	115.792.669.983
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.254.458.182)	(11.740.429.005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	10.773.223.364	16.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	3.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.144.415.900	7.140.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	823.701.922	4.521.314.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.486.883.004	(62.751.004)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	348.038.879.015	237.487.792.636
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(458.647.627.851)	(343.915.270.902)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.775.197.397)	(13.924.952.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(133.383.946.233)	(120.352.430.468)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.119.665.644	(4.622.511.489)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.579.252.370	13.201.763.859
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.698.918.014	8.579.252.370

Đã kiểm, ngày 20 tháng 3 năm 2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 Công ty theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông của 03 Công ty là Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Yên và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Daklak theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hợp nhất ngày 20/09/2008, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000233 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 26/09/2008 và đăng ký thay đổi lần 4 theo số đăng ký kinh doanh 4100739909 ngày 30/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 482 người (tại ngày 31/12/2012 là 481 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng cho thuê;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông thổ sản, xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho sản phẩm dở dang tại phân xưởng chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tính hết vào giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định thông qua kiểm kê.

Hàng hóa bất động sản của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Eakar - Daklak với tổng diện tích sử dụng 2.480 m² và tổng giá trị 2,4 tỷ đồng, giá trị này được xác định theo biên bản định giá lại tài sản thế chấp ngày 12/09/2011 và văn bản thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp số 38/2012/VBTT ngày 02/02/2012 giữa Chi nhánh Đăklăk với Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên ước tính thời gian sử dụng hữu ích. Trong năm tài chính, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định đang được Công ty áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 20

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với quy định của Thông tư 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí vỏ chai bia, két bia, thiết bị bia hơi, ballet đã đưa vào sử dụng, chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

Loại công cụ	Số năm
Vỏ, két chai	12
Thiết bị bia hơi	06
Pallet, bàn ghế, máy lạnh	03
Đồ dùng thí nghiệm	01- 03

Từ năm 2012, các chi phí công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển phát sinh được phân bổ trong thời gian 24 tháng.

Chi phí khác: Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các chi phí sử dụng hàng hóa dịch vụ trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập khác mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục này được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Hiện tại, Chi nhánh của Công ty tại Quy Nhơn được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm từ dự án “Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị nâng công suất bia chai lên 20 triệu lít/năm và lên 50 triệu lít/năm của nhà máy Bia Sài Gòn - Quy Nhơn”. Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi thuế TNDN của dự án này từ năm 2009. Năm 2013 là năm thứ 4 Văn phòng Công ty tại Quy Nhơn hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ thu nhập tăng thêm của dự án này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán tập trung tại trụ sở chính của Công ty.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Toàn bộ sản phẩm bia chai nhãn hiệu Bia Sài Gòn được bán cho Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn theo giá bán và giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt quy định trong hợp đồng. Từ năm 2013 thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia là 50%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	419.259.149	106.639.849
Tiền gửi ngân hàng	14.279.658.865	8.472.612.521
Cộng	<u>14.698.918.014</u>	<u>8.579.252.370</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	61.987.866.182	66.716.176.252
Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh	641.492.329	641.492.329
Các khách hàng khác	2.904.057.434	5.611.594.305
Cộng	<u>65.533.415.945</u>	<u>72.969.262.886</u>

Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh là giá trị còn lại của số tiền bán bã hèm từ những năm trước sau khi được Công ty bù trừ với giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Eakar - Daklak với tổng diện tích sử dụng 2.480 m² và tổng giá trị 2,4 tỷ đồng theo biên bản định giá lại tài sản thế chấp ngày 12/09/2011 và văn bản thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp số 38/2012/VBTT ngày 02/02/2012 giữa Chi nhánh Đăklăk với Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỷ lệ trích là 100% giá trị còn lại của phải thu này.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.545.034.273	711.050
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	53.702.099.361	52.793.353.911
Công cụ, dụng cụ tồn kho	10.639.586.812	8.078.864.136
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.492.639.759	17.787.351.098
Thành phẩm tồn kho	4.352.092.530	3.647.287.848
Hàng hóa	2.429.608.420	2.458.341.125
Hàng gửi đi bán	8.800.503	5.080.216
Cộng	<u>93.169.861.658</u>	<u>84.770.989.384</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2013	158.661.830.176	907.942.001.527	9.316.014.404	3.654.512.428	818.279.921	1.080.392.638.456
Tăng trong năm	4.758.752.910	6.481.671.073	3.202.290.444	492.711.546	-	14.935.425.973
Mua sắm	198.563.965	1.005.687.406	3.038.535.472	492.711.546	-	4.735.498.389
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.994.709.975	2.061.913.743	-	-	-	6.056.623.718
Phân loại lại	381.051.964	3.414.069.924	163.754.972	-	-	3.958.876.860
Tăng khác	184.427.006	-	-	-	-	184.427.006
Giảm trong năm	3.433.960.579	17.403.358.317	313.664.010	1.110.743.450	44.000.000	22.305.726.356
Thanh lý, nhượng bán	-	15.301.969.596	102.869.380	33.731.886	-	15.438.570.862
Phân loại lại	67.006.741	785.811.585	163.888.273	-	-	1.016.706.599
Giảm khác	3.366.953.838	1.315.577.136	46.906.357	1.077.011.564	44.000.000	5.850.448.895
Tại 31/12/2013	159.986.622.507	897.020.314.283	12.204.640.838	3.036.480.524	774.279.921	1.073.022.338.073
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2013	35.675.252.752	351.255.217.329	5.383.375.260	2.469.980.822	270.808.431	395.054.634.594
Tăng trong năm	8.732.382.163	80.331.967.258	792.446.485	479.058.303	88.941.321	90.424.795.530
Khấu hao trong năm	8.732.382.163	80.331.967.258	792.446.485	479.058.303	88.941.321	90.424.795.530
Giảm trong năm	227.634.476	8.419.065.704	141.610.341	908.606.382	20.945.947	9.717.862.850
Thanh lý, nhượng bán	-	7.470.336.546	102.869.380	33.731.886	-	7.606.937.812
Giảm khác	227.634.476	948.729.158	38.740.961	874.874.496	20.945.947	2.110.925.038
Tại 31/12/2013	44.180.000.439	423.168.118.883	6.034.211.404	2.040.432.743	338.803.805	475.761.567.274
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	122.986.577.424	556.686.784.198	3.932.639.144	1.184.531.606	547.471.490	685.338.003.862
Tại 31/12/2013	115.806.622.068	473.852.195.400	6.170.429.434	996.047.781	435.476.116	597.260.770.799
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	190.296.711	35.348.528.753	669.183.275	167.159.514	-	36.375.168.253

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nâng công suất lên 50 triệu lít/năm tại Phú Yên	1.465.316.149	1.465.316.149
Nâng công suất lên 50 triệu lít/năm tại Quy Nhơn	-	4.339.416.283
Các hạng mục khác	1.064.832.711	199.578.763
Cộng	2.530.148.860	6.004.311.195

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị nguyên giá và hao mòn lũy kế của Khu nhà văn phòng Chi nhánh Daklak cho Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên thuê hàng năm.

Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bình quân là 22 năm (tùy từng hạng mục).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In và Thương mại Phú Yên, trong đó Công ty sở hữu 97.586 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In và Thương mại Phú Yên. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần In và Thương mại Phú Yên chưa có quyết định phân phối lợi nhuận và chia cổ tức của năm 2013.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	2.731.316.215	3.284.253.550
Chi phí vỏ két bia các loại	57.443.435.231	58.183.708.334
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.930.838.571	3.863.543.443
Cộng	64.105.590.017	65.331.505.327

12. VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay cán bộ công nhân viên	10.874.000.000	6.346.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	17.946.951.034	48.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	27.532.561.930	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Daklak	6.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 17)	87.421.274.000	81.516.074.400
Cộng	<u>150.074.786.964</u>	<u>139.362.074.400</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	37.465.960.106	23.505.160.201
Công ty TNHH Thương mại Thái Tân	1.680.666.140	-
Công ty Cổ phần thương mại Tân Việt Úc	2.034.912.000	683.100.000
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	-	2.263.831.697
Các nhà cung cấp khác	8.620.423.763	8.859.446.547
Cộng	<u>49.801.962.009</u>	<u>35.311.538.445</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2013</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>31/12/2013</u>
		<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.888.930.486	75.844.872.847	77.224.805.560	8.508.997.773
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(7.603.333)	518.525.395	518.525.395	(7.603.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	911.893.895	10.488.285.560	9.740.307.729	1.659.871.726
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.563.371.904	457.911.934.489	457.940.151.474	50.535.154.919
Thuế xuất nhập khẩu	(2.184.257)	374.124.631	371.940.374	-
Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	161.296.612	1.019.216.220	1.148.907.765	31.605.067
Thuế tài nguyên	(51.724.436)	19.432.634	2.782.726	(35.074.528)
Tiền thuế đất	-	2.840.944.413	2.831.804.070	9.140.343
Các khoản phải nộp khác	-	129.200.000	129.200.000	-
Cộng	<u>61.463.980.871</u>	<u>549.148.536.189</u>	<u>549.910.425.093</u>	<u>60.702.091.967</u>

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước	61.512.026	-	-	42.677.861
Thuế phải nộp Nhà nước	61.525.492.897	-	-	60.744.769.828

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	482.620.581	3.526.741.920
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	2.181.069.179	992.656.205
Chi phí sử dụng hơi	694.055.234	685.643.377
Chi phí phải trả khác	2.658.710.070	4.921.314.596
Cộng	<u>6.016.455.064</u>	<u>10.126.356.098</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.531.170	5.460.523
Kinh phí công đoàn	530.924.346	330.285.576
BHXXH, BHYT, BHTN	44.635.954	41.058.390
Tiền phạt thuế chậm nộp	1.431.863.488	-
Ngân sách cấp hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án 50 triệu lít tại Phú Yên	2.882.104.000	2.882.104.000
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.814.814.800	1.989.066.800
Cổ tức phải trả	4.968.336.083	4.081.630.015
Các khoản phải trả khác	1.205.373.355	1.743.623.326
Cộng	<u>12.880.583.196</u>	<u>11.073.228.630</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn (1)	32.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (2)	15.221.788.931	29.841.405.110
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	-	9.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Daklak (3)	145.245.504.200	231.759.390.600
Quỹ Đầu tư Phát triển Daklak	-	1.867.000.000
Cộng	<u>192.467.293.131</u>	<u>313.267.795.710</u>

(1) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn theo các Hợp đồng vay vốn sau:

- Hợp đồng tín dụng số 683/NHNT-QN ngày 18/12/2007 để tài trợ cho Dự án đầu tư chiều sâu nâng công suất sản xuất bia chai lên 20 triệu lít/năm. Tổng số gốc vay theo hợp đồng là 28,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 335/NHNT-QN ngày 28/04/2009 để thanh toán chi phí đầu tư dự án (giai đoạn 2) nâng công suất của Nhà máy bia tại Quy Nhơn từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm. Tổng số gốc vay theo hợp đồng là 68 tỷ đồng, thời hạn vay là 114 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng tín dụng NG1170122.DN/HĐTD ngày 07/11/2007 để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng cung cấp và lắp đặt thiết bị nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm”. Khoản tiền vay theo hợp đồng là 3.211.619,41 Euro tương đương với 4.679.419,94 USD. Thời hạn vay là 96 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là nhà sản xuất, nhà làm việc, kho thành phẩm, kho gạo gắn liền với quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Daklak theo các Hợp đồng vay vốn sau:
- Hợp đồng tín dụng số DL.DN.03260309 ngày 27/03/2009 để tài trợ cho dự án nhà máy Bia Daklak công suất 25 triệu lít/năm. Tổng số gốc vay theo hợp đồng là 96,155 tỷ đồng. Thời hạn vay là 72 tháng, lãi suất thay đổi 6 tháng/lần theo lãi suất từng thời điểm.
 - Hợp đồng tín dụng số DL.DN.01040509 ngày 04/05/2009 để đầu tư xây dựng dự án sản xuất bia chai giai đoạn 2 (công suất 70 triệu lít/năm). Tổng số gốc vay theo hợp đồng là 366,3 tỷ đồng. Thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất thay đổi 6 tháng/lần theo lãi suất từng thời điểm.
 - Hợp đồng tín dụng số DL.DN.05230909 ngày 24/09/2009 để bổ sung vốn kinh doanh trả góp sản xuất các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát. Tổng số gốc vay theo hợp đồng là 50 tỷ đồng. Thời hạn vay là 92 tháng, lãi suất thay đổi 3 tháng/lần theo lãi suất từng thời điểm.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại trụ sở Chi nhánh. Từ năm 2013, khoản vay này được gia hạn trả nợ theo công văn chấp thuận ngày 02/01/2013 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Daklak.

Chi tiết kế hoạch trả nợ của Công ty như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	87.421.274.000	81.516.074.400
Trong năm thứ hai	75.984.412.931	75.731.624.400
Từ 3 - 5 năm	116.482.880.200	150.962.078.310
Sau 5 năm	-	86.574.093.000
Cộng	<u>279.888.567.131</u>	<u>394.783.870.110</u>
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả bao gồm:	87.421.274.000	81.516.074.400
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Tài	9.800.000.000	9.200.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bình Định	14.991.650.000	14.598.500.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	8.000.000.000	12.960.000.000
+ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu tại Daklak	52.762.624.000	41.257.574.400
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Daklak	1.867.000.000	3.500.000.000
Vay dài hạn	<u>192.467.293.131</u>	<u>313.267.795.710</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2012	298.466.480.000	12.234.693	-	10.626.539.637	6.336.354.047	15.139.951.656	330.581.560.033
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	35.875.609.454	35.875.609.454
Tăng khác	-	-	-	-	-	335.653.030	335.653.030
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(14.923.324.000)	(14.923.324.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	298.466.480.000	12.234.693	-	10.626.539.637	6.336.354.047	36.427.890.140	351.869.498.517
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	42.332.719.657	42.332.719.657
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	1.793.780.473	(4.840.780.473)	(3.047.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26.861.983.200)	(26.861.983.200)
Tại 31/12/2013	298.466.480.000	12.234.693	-	10.626.539.637	8.130.134.520	47.057.846.124	364.293.234.974

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013		01/01/2013	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ (%)	Vốn góp VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	92.499.160.000	31%	92.499.160.000	31%
Các cổ đông khác	205.967.320.000	69%	205.967.320.000	69%
Cộng	298.466.480.000		298.466.480.000	

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản chênh lệch sau khi quy đổi cổ phiếu của ba Công ty trước khi hợp nhất sang cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHCD năm 2013 ngày 27/05/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức với giá trị 31.251.456.637 đồng từ lợi nhuận bao gồm 215.627.656 đồng từ lợi nhuận năm 2011 và 31.034.828.981 đồng từ lợi nhuận năm 2012.

Chi tiết biến động lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	36.427.890.140	15.139.951.656
Lợi nhuận tăng trong năm	42.332.719.657	36.211.262.484
Lợi nhuận của Văn phòng Công ty	42.332.719.657	36.211.262.484
Lợi nhuận giảm trong năm	31.702.763.673	14.923.324.000
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	1.793.780.473	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi	3.047.000.000	-
Chia cổ tức	26.861.983.200	14.923.324.000
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	47.057.846.124	36.427.890.140

Cổ phiếu

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành	29.846.648	29.846.648
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>29.846.648</i>	<i>29.846.648</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	42.332.719.657	35.875.609.454
Cổ phiếu lưu hành bình quân năm	29.846.648	29.846.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.418</u>	<u>1.202</u>

19. DOANH THU

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bia các loại	1.190.913.138.921	1.087.048.702.666
Doanh thu khác	13.169.860.491	14.572.525.401
Cộng doanh thu	<u>1.204.082.999.412</u>	<u>1.101.621.228.067</u>
Các khoản giảm trừ giảm trừ	458.606.368.039	402.969.282.847
Thuế tiêu thụ đặc biệt	457.769.845.967	401.973.983.903
Chiết khấu thương mại	191.879.491	572.678.399
Hàng bán bị trả lại	644.642.581	422.620.545
Doanh thu thuần	<u>745.476.631.373</u>	<u>698.651.945.220</u>

20. GIÁ VỐN

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bia các loại	571.052.898.485	533.945.349.634
Giá vốn khác	7.168.117.398	1.126.916.595
Cộng	<u>578.221.015.883</u>	<u>535.072.266.229</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	151.937.646	21.317.633
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	66.500.000	2.901.955.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	620.581.922	1.406.673.641
Cổ tức	136.620.000	251.413.000
Khác	-	27.272.724
Cộng	<u>975.639.568</u>	<u>4.608.631.998</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	47.029.729.841	69.554.298.099
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	774.225.355	96.124.112
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(149.415.900)	(675.000.000)
Lãi quá hạn trả chậm Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	73.962.827	992.656.205
Chi phí tài chính khác	3.050.000	-
Cộng	47.731.552.123	69.968.078.416

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.585.950.510	7.406.489.100
Chi phí NVL, công cụ dụng cụ	3.631.506.839	1.806.529.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.813.007	94.172.781
Chi phí khuyến mại	4.374.372.050	6.237.925.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.181.469.637	5.517.975.459
Chi phí bằng tiền khác	15.843.631.104	5.145.315.555
Cộng	41.786.743.147	26.208.408.458

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.112.855.931	16.408.658.727
Chi phí vật liệu công cụ quản lý	978.474.235	695.701.012
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.376.294.823	2.209.303.591
Chi phí dự phòng	216.556.474	506.297.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.182.324.917	5.814.099.635
Chi phí bằng tiền khác	13.399.188.336	9.236.642.099
Cộng	37.265.694.716	34.870.702.417

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Bã hèm, tài sản, phế liệu, vật tư	30.153.135.718	3.359.167.765
Các khoản thu nhập khác	2.854.354.938	4.276.421.047
Cộng	33.007.490.656	7.635.588.812

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại tài sản, bao bì, vật tư thanh lý	17.629.824.228	1.019.919.248
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.431.863.488	-
Chi phí khác	2.572.062.795	3.470.874.079
Cộng	<u>21.633.750.511</u>	<u>4.490.793.327</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	52.821.009.209	40.285.917.183
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ thu nhập không chịu thuế	(136.620.000)	(251.413.000)
- Trừ lỗ được kết chuyển	(6.313.799.508)	(5.587.847.840)
- Cộng: Chi phí không được trừ	2.596.435.134	1.127.482.065
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	48.967.024.835	35.574.138.408
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.241.756.209	8.893.534.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.753.470.006	4.483.226.873
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.488.286.203	4.410.307.729

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	425.041.951.322	383.327.497.138
Chi phí nhân công	52.716.813.104	45.076.917.921
Chi phí khấu hao TSCĐ	91.698.531.053	91.918.830.500
Chi phí dự phòng	216.556.474	506.297.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.975.991.929	37.639.746.703
Chi phí khác bằng tiền	27.727.768.647	21.604.666.133
Cộng	<u>650.377.612.529</u>	<u>580.073.955.748</u>

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	61.987.866.182	66.716.176.252
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu - Nước giải khát Sài Gòn	37.465.960.106	23.505.160.200
Phải thu khác		
Cổ tức của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	-	66.000.000
Chi phí phải trả		
Lãi quá hạn trả chậm Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.066.619.032	992.656.205

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.008.880.706.600	869.711.022.727
Mua hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu - Nước giải khát Sài Gòn	222.082.333.922	209.507.400.405
Lãi quá hạn trả chậm Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	73.962.827	992.656.205
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	2.305.179.660	2.723.117.910
Công ty Cổ phần In Phú Yên	2.584.425.000	2.593.845.468
Cổ tức		
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Cổ tức đã nhận của Công ty Cổ phần In Phú Yên	136.620.000	185.413.000
Cổ tức đã trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	-	4.624.958.000

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.698.918.014	8.579.252.370
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.349.672.183	73.074.237.435
Đầu tư dài hạn	975.860.000	4.904.360.000
Cộng	<u>83.024.450.197</u>	<u>86.557.849.805</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	342.542.080.095	452.629.870.110
Phải trả người bán và phải trả khác	62.682.545.205	46.384.767.075
Chi phí phải trả	6.016.455.064	10.126.356.098
Cộng	<u>411.241.080.364</u>	<u>509.140.993.283</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2013				
Các khoản vay	150.074.786.964	192.467.293.131	-	342.542.080.095
Phải trả người bán và phải trả khác	62.682.545.205	-	-	62.682.545.205
Chi phí phải trả	6.016.455.064	-	-	6.016.455.064
Tại 31/12/2012				
Các khoản vay	139.362.074.400	226.693.702.710	86.574.093.000	452.629.870.110
Phải trả người bán và phải trả khác	46.384.767.075	-	-	46.384.767.075
Chi phí phải trả	10.126.356.098	-	-	10.126.356.098

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.698.918.014	-	14.698.918.014
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.349.672.183	-	67.349.672.183
Đầu tư dài hạn	975.860.000	-	975.860.000

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Công văn số 2326/UBND-TH ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định về việc đề nghị gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012, hàng tháng Công ty thực hiện kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt 100% và thực nộp 50% cho ngân sách, 50% số thuế còn lại được nộp đầy đủ vào ngày 25 tháng 12 của từng năm tài chính. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang chờ ý kiến của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế về vấn đề này. Từ năm 2014, Công ty chuyển trụ sở chính sang thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chuyển sang Cơ quan Thuế tỉnh Đắk Lắk.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Từ ngày 01/01/2014, Văn phòng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung được chuyển đổi thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn theo Quyết định số 28/2013/QĐ - HĐQT ngày 09/12/2013 của Hội đồng quản trị. Trụ sở chính của Công ty đã được chuyển về số 01 đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4100739909 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/01/2014.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú.

***Nơi nhận:**

- UBCKNN
- SGDCCKHN
- Lưu VT-SMB

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC


Huỳnh Văn Dũng